

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 03 năm 2024
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tênh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đức Việt
- Ông Hà Văn Sơ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vì Thị H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Bản Cáp Na, xã Nà Bó, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Quàng Văn I, sinh năm 1984. Địa chỉ: Bản Cáp Na, xã Nà Bó, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 12 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vì Thị H trình bày như sau:

Chị và anh Quàng Văn I kết hôn với nhau từ năm 2014, do cả hai cùng tự nguyện không bên nào bị ép buộc và có đi đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Tà Hộc, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 14/04/2014.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng gần 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh I hay đi uống rượu về không làm

chủ được bản thân, chửi bới, đánh đập vợ, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù hai bên gia đình cũng đã hòa giải khuyên bảo cho hai anh chị nhưng không thành. Đến năm 2020 anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, không thể quay về tiếp tục cuộc sống vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh I.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Quàng Thị Vân, s1 ngày 17/9/2008 và cháu Quàng Văn Giáp, s1 ngày 19/10/2013. Từ khi anh chị sống ly thân hai cháu ở cùng anh I và do anh I nuôi dưỡng, trước khi nộp đơn ra Tòa anh chị cũng đã thống nhất về người nuôi dưỡng con và tôn trọng nguyện vọng của các con, các con đều có nguyện vọng được ở cùng anh I và anh chị cũng thống nhất anh I là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục hai cháu Vân và Giáp cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh I do anh I chưa yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác nhận anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/02/2024, bị đơn anh Quàng Văn I trình bày như sau:

Về tình cảm, anh I xác định anh và chị Vì Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định vào năm 2014, có được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được khoảng gần 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã khiến hôn nhân không hạnh phúc. Sau đó vợ chồng sống ly thân từ năm 2020. Nay chị H có đơn xin ly hôn với anh, anh cũng đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung, anh chị có 02 con chung là cháu Quàng Thị Vân, s1 ngày 17/9/2008 và cháu Quàng Văn Giáp, s1 ngày 19/10/2013. Từ khi anh chị sống ly thân hai cháu ở cùng anh và do anh nuôi dưỡng, anh chị cũng đã thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn anh sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai cháu cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

- Về tài sản chung: Anh cũng xác nhận không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Anh cũng xác nhận không có nợ chung.

Tại văn bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, cháu Quàng Thị Vân, sinh ngày 17/9/2008 và cháu Quàng Văn Giáp, s1 ngày 19/10/2013 đều có nguyện vọng được ở cùng bố là anh Quàng Văn I sau khi bố mẹ ly hôn.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, và đề nghị Tòa án giao con chung cho anh I nuôi dưỡng do hiện chị đang đi làm xa, không có khả năng trực tiếp nuôi con chung.

Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất được với

nhau về việc giải quyết vụ án nhưng nguyên đơn, bị đơn đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Áp dụng Điều 56 Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vì Thị H và anh Quảng Văn I. Về con chung, giao cháu Quảng Thị Vân, sinh ngày 17/9/2008 và cháu Quảng Văn Giáp, sinh ngày 19/10/2013 cho anh I trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời khai của các đương sự và đơn đề nghị xét xử vắng mặt của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Vì Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Quảng Văn I có địa chỉ tại: Bản Cáp Na, xã Nà Bó, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự nhưng các đương sự vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ theo Điều 227, Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Vì Thị H và anh Quảng Văn I tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2007, anh chị đã được UBND xã Tà Hộc, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn

La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/04/2014. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng gần 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân. Theo chị H, mâu thuẫn là do anh I hay đi uống rượu về không làm chủ được bản thân hay chửi và đánh chị, nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, đến năm 2020 chị đã bỏ về nhà ngoại SI sống. Anh I cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, hay cãi vã, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H, anh I nhất trí ly hôn và không có ý kiến gì khác. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải cho anh chị nhưng chị H có đơn không yêu cầu Tòa án hòa giải, **căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.**

Hội đồng xét xử thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh I đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ theo Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vì Thị H cho chị H được ly hôn với anh I.

[2.2] *Về con chung*: Chị H, anh I có 02 con chung là cháu Quàng Thị Vân, SI ngày 17/9/2008 và cháu Quàng Văn Giáp, SI ngày 19/10/2023. Anh chị cũng đã thỏa thuận từ khi sống ly thân hai cháu sẽ do anh I nuôi dưỡng, chị H đang đi làm xa không thể có thời gian để chăm sóc được cho các cháu. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay hai cháu Vân và Giáp đang ở với anh I. Tại biên bản ghi ý kiến của cháu cháu Vân và Giáp cũng đều có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Do đó để đảm bảo quyền lợi và lợi ích về mọi mặt của con chung chưa thành niên, cần giao cháu Quàng Thị Vân và cháu Quàng Văn Giáp cho anh Quàng Văn I trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh I không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh nên hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều xác định không có tài sản chung cũng như nợ chung, nên hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[2.4] *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí xin ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vì Thị H và anh Quàng Văn I.
2. Về con chung: Giao cháu Quàng Thị Vân, SI ngày 17/9/2008 và cháu Quàng Văn Giáp, SI ngày 19/10/2013 cho anh Quàng Văn I trực tiếp chăm sóc, giáo dục

đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Chấp nhận việc anh I không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Sau khi ly hôn, chị H được quyền thăm nom con theo quy định, không ai được quyền cản trở chị H được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có.

4. Về án phí: Chị Vì Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền Tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000275 ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Tà Hộc, huyện Mai Sơn ;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tráng A Tẻnh